

NHỮNG THÀNH TỰU NỀN VĂN MINH VĂN LANG – ÂU LẠC

TỔNG QUÁT CHUNG

Dựa vào những điều kiện tự nhiên thuận lợi và các thành tựu kinh tế đạt được, cư dân vùng châu thổ sông Hồng, sông Mã, sông Cả, ... được gọi chung là cư dân Việt cổ, được phát huy sức lao động và óc sáng tạo của mình để thúc đẩy nhanh sự phát triển của xã hội, vượt qua những hạn chế của thời kỳ nguyên thủy sơ khai, đạt đến thời đại văn minh vào khoảng thế kỷ VII- VI trước công nguyên. Tồn tại khoảng 5 thế kỷ, nền văn minh đó được gọi là văn minh Văn Lang- Âu Lạc, tồn tại 2 quốc gia nối tiếp nhau, dưới sự cai trị của 18 đời các Vua Hùng và An Dương Vương văn minh Văn Lang Âu Lạc đã được một số thành tựu tiêu biểu.

Theo cuốn Đại Việt sử lược viết ‘ Đến thời Trang Vương nhà Chu (696 -681 TCN) ở bộ Gia Ninh có người lạ dùng ảo thuật chặn áp được quân Hùng và các bộ lạc tự xưng là Hùng Vương, đóng đô ở Văn Lang, lấy hiệu nước là Văn Lang.....Hùng vương lên ngôi và truyền qua 18 đời các con cháu trị vì đều lấy hiệu là Hùng Vương.

Sau khi lên ngôi Hùng vương đặt quốc hiệu là Văn Lang, đóng đô ở Bạch Hạc, Phong Châu, trên đất Bắc Việt Nam lấy trung tâm ở Phong Châu(Phú Thọ ngày nay) đã hình thành nên một tổ chức kinh tế - chính trị một Nhà nước, đứng đầu là Vua, giúp việc cho Vua còn có các quan lại, quan văn gọi là Lạc Hầu, quan võ là Lạc Tướng, con trai vua gọi là Quan Lang, con gái vua gọi là Mị Nương. Vua chúa và quan lại là người giàu có nhất nước, nhiều của cải, có nô tỳ phục dịch trong nhà, chính quyền trung ương phụ trách các công việc chung của đất nước như nhiệm vụ bảo vệ quốc gia, giữ an ninh trật tự, tổ chức các làng bản bảo vệ mùa màng, đồng ruộng của mình khi có thiên tai, bệnh dịch, chống nạn lũ lụt hàng năm cũng như chống lại sự xâm lược của các bộ tộc phía Bắc, các tổ chức chính trị được hình thành, bảo vệ đi đôi với sự thúc đẩy phát triển.

Những công việc cụ thể ở địa phương thì giao lại cho các Lạc Tướng, quan lại, người đứng đầu bộ, địa phương cai trị. Văn Lang được chia thành 15 bộ, mỗi bộ có nhiều bản, kẻ, chạ, chiềng do tổ chức Bộ chính trông coi việc. Làng, Chạ, Chiềng là đơn vị hành chính cơ sở, vốn là những cộng đồng thị tộc đã được hình thành lâu đời nay tụ hợp lại cho nên Làng Chạ vẫn là những đơn vị kinh tế hầu như độc lập, có những văn hóa, nếp sinh hoạt riêng, đứng đầu là Già Làng là người có vai trò quan trọng nhất trong Làng Chạ. Trong nếp sống sinh hoạt gia đình có rất nhiều vật dụng phong phú đa dạng, như bình, vò, thạp, mâm chạ, chủ yếu làm bằng gỗ hoặc đồng, ngoài ra còn có các vật dụng làm bằng mây, tre, nứa.... Phương tiện giao thông chủ yếu là thuyền bè trên các con sông, rạch, như thuyền độc mộc, thuyền ván với các kiểu khác nhau, giao thông trên bộ chủ yếu di chuyển bằng sức kéo như trâu, bò, voi, ngựa.....

Cứ như vậy bộ máy nhà nước Văn Lang duy trì đời này tiếp nối đời kia theo tục cha truyền con nối qua 18 đời Hùng Vương.

Thời Âu Lạc, đất đai được mở thêm về phía Tây Bắc, đứng đầu là vua Thục Phán gọi là An Dương Vương, đóng đô ở Hà Nội, xây dựng thành Cổ Loa tại Đông Anh, thành Cổ Loa trở thành kinh đô nước Âu Lạc, là trung tâm văn hóa chính trị và còn là một căn cứ quân sự vững chắc, tổ chức chính quyền nhìn chung không có gì thay đổi. Mặc dù Âu Lạc tồn tại không lâu chỉ trong khoảng từ năm 208 đến 179 TCN, nhưng đạt được những thành tựu nhất định, kế thừa những thành tựu của nhà nước Văn Lang nhất là mặt quân sự. An Dương Vương xây dựng được một đạo quân khá mạnh sử dụng thành thạo cung tên, vũ khí phong phú đa dạng, việc xây dựng

thành công Thành Cổ Loa chứng tỏ sức mạnh quân sự của Âu Lạc, ngoài ra lực lượng thủy quân cũng khá hùng hậu và thường xuyên được luyện tập.

Thành Cổ Loa ở vị trí trung tâm đất nước và là đầu mối của hệ thống giao thông đường thủy, sông Hoàng chảy qua thuận lợi việc đi lại quang vùng, xuôi theo sông Hồng, sông Đáy xuôi về đồng bằng ra biển.....

Thành Cổ Loa gồm có 3 vòng thành chính khép kín(thành nội, thành trung, thành ngoại) thành nội (vòng trong cùng) hình chữ nhật có chu vi 1650 m, cao khoảng 5 mét mặt thành rộng từ 6 đến 12m, chân rộng từ 20 đến 30m, thành nội chỉ có 1 cửa thành, trên thành có 18 ụ đất nhô ra ngoài làm vọng gác, những vọng gác này cao từ 1 đến 2m. Thành trung có 5 cửa, có 1 số ụ đất đắp làm vọng gác. Thành ngoại (vọng ngoài) dài 8 m, cao từ 4 đến 9m, thành rộng từ 12- 20 mét thành có 3 cửa ra vào, cả 3 vòng đều có hào phía ngoài, 3 hào nối liền nhau nối liền với sông Hoàng để đảm bảo quanh năm có nước. Với vị kiên cố và lợi hại thành Cổ Loa góp phần vào chiến thắng vẻ vang của Âu Lạc chống lại các cuộc xâm lược của quân Triệu.

Việc quản lý đất nước chủ yếu vẫn theo tục lệ cổ truyền, dân không có thói gian dối, buộc nút dây mà làng chính sự...trong các Làng Chạ, gia đình 1 vợ 1 chồng đã là đơn vị tế bào, đất nước có nhiều Quận phân chia rõ ràng, quận Giao Chỉ ở Bắc Bộ có 92.440 hộ,quận Cửu Chân ở Bắc trung bộ có 35.743 hộ, 166.613 khẩu,nếu ở Giao Chỉ trung bình mỗi hộ có 8 người, Cửu chân mỗi hộ 4 người, được gọi là gia đình nhỏ.Qua 2 triệu đại nền kinh tế chung của Văn Lang âu lạc phát triển khá rực rỡ đạt được 1 số thành tựu nhất định.

I. VỀ KINH TẾ:

Cơ sở của nền kinh tế Văn Lang âu lạc là nền nông nghiệp lúa nước, cư dân Văn Lang Âu Lạc tiến hành khai hoang, làm thủy lợi,lúa gạo là chủ yếu,các ngành tiểu thủ công nghiệp như luyện kim, đúc đồng thau, lưới cày được đúc bằng đồng thau được sản xuất ngày một nhiều hơn và nhiều hình dạng hơn cụ thể như hình cánh bướm, hình thoi, hình tam giác.....lưới cày đồng ra đời thúc đẩy nền nông nghiệp dùng cày phát triển.Hình thức canh tác lúa nước, người Việt cổ biết tận dụng đất đai các vùng ven sông ngòi, ven biển làm ruộng, tận dụng cho việc tưới tiêu đồng ruộng, lịch nông nghiệp được hình thành,ngoài việc trồng lúa nước người dân còn nuôi tằm , kéo tơ, dệt lụa phục vụ cho nhu cầu về trang phục.

Ngành luyện kim đồng thau phát triển đến trình độ cao, không chỉ sản xuất được nhiều sản phẩm khác nhau mà dần dần còn công thức hóa tỉ lệ các chất kim loại trong hợp kim đồng thau là 80- 90% đồng,10-20% thiếc, đúc mũi tên, giáo phục vụ cho việc phòng chống ngoại xâm thì tăng độ của thiếc lên, sau này họ biết thêm chì vào tăng độ mềm, kỹ thuật nung đốt đồ gốm cũng tiến bộ, từ 800 C của lò gốm lên 1200-1250 C.Trên cơ sở đúc đồng thau người Việt cổ sáng tạo ra nghề nấu sắt bằng phương pháp hoàn nguyên, nung quặng để có được sắt xốp, người ta tiếp tục nung đỏ lên, rèn dập nhiều lần để có được sắt chín cần cho việc làm công cụ, người ta rèn rìu sắt, đúc gang....

II. VỀ ĐỜI SỐNG TINH THẦN:

Cư dân Văn Lang Âu Lạc đã đạt đến một trình độ thẩm mỹ, tư duy khoa học cao.Kiến trúc nhà cửa: Nhà ở phần lớn là nhà sàn, mái cong, lợp chủ yếu bằng rơm rạ, lá cọ, có cầu thang trước cửa,tường vách bằng tre, nứa, trát đất sét hoặc đất nguyên, trong nhà có chỗ cất thóc, lúa nông sản, dưới sàn có chỗ nuôi châu bò, lợn gà,kiến trúc nhà sàn chủ yếu tránh thú dữ.

Sự phát triển của nghề trồng dâu nuôi tằm giúp người Việt cổ ăn mặc đẹp hơn trước. Nữ thường mặc váy, có 2 loại ngắn và dài, khâu thêm 1 mảnh vải vuông có thêu hoa gắn trước bụng, phụ nữ thường mặc yếm, áo cánh hoặc áo chui đầu, ngày lễ hội thì họ mặc váy xòe cắm thêm lông chim hoặc cành lá cây, tóc không để xõa mà cuốn lên đỉnh đầu hoặc tết thành nhiều kiểu khác nhau, có khi họ buộc 1 tấm khăn nhỏ vào chân cuộn tóc. Nam thì cởi trần, đóng khố, đầu cạo trọc, nếu cư dân sống ven sông, ven biển có tục vẽ mình để tránh giao long làm hại, các lạc hầu, lạc tướng có áo giáp đồng hộ thân khi đi đánh giặc. Nối tiếp truyền thống làm đẹp của tổ tiên người Việt cổ thích các trang sức bằng vỏ ốc, hạt đá hoặc đeo hoa tai, vòng tay bằng đá.

III. TÍN NGƯỠNG, LỄ HỘI

Xã hội Văn Lang Âu Lạc chuyển sang chế độ phụ quyền. Người cha trong gia đình nắm giữ mọi quyền hành, đặc biệt ở các gia đình Lạc Hầu, lạc Tướng, tuy nhiên vai trò của người phụ nữ rất quan trọng, như chăm sóc con cái, lo toan nhà cửa, còn có thể tham gia chính sự của đất nước. Trong làng người già được tôn trọng và đóng vai trò giàn xếp các cuộc tranh chấp, quyết định các mối quan hệ trong mỗi bộ, cũng như việc ngoại giao với các bộ tộc khác. Người già cũng được quý trọng như những thầy giáo của thế hệ trẻ và là người giữ gìn nếp sống phong tục tập quán của cộng đồng.

Hôn nhân 1 vợ ,1 chồng dần được phổ biến, tuy nhiên chế độ hôn nhân anh em chồng, tục cướp dâu vẫn song hành...

Người Việt cổ có tục nhuộm răng đen để chống sâu răng đã trở thành tục lệ chung cho cả cộng đồng, cùng với tục nhuộm răng đen là tục ăn trầu cũng được phổ biến và lưu truyền rộng rãi truyền từ đời này sang đời khác.

Từ rất sớm người Việt Nam có quan niệm nhất định về Linh hồn, tục chôn người chết sớm hình thành từ thời Bắc Sơn, Quỳnh Văn, dưới thời Hùng Vương việc chôn người chết được tiến hành nghiêm túc kèm theo nghi lễ quan trọng, người chết được chôn theo các áo quan khác nhau như bình, thạp, đến thân cây khoét rỗng (hình thuyền). Việc chôn người chết theo các công cụ sản xuất, vục khí, đồ trang sức để thể hiện quan niệm nhất định về sở hữu cá nhân, về sinh hoạt ở thế giới bên kia, họ còn chôn theo trống đồng cho người chết.

Lễ hội là một hoạt động vừa có ý nghĩa tín ngưỡng vừa có ý nghĩa sinh hoạt vui chơi tập thể của người Việt cổ, lễ hội diễn ra rải rác quanh năm , các lễ hội như ngày mùa với nghi lễ như đâm trâu, bò các hình thức diễn xướng dân gian(đoàn người vừa đi vừa hát nhảy múa tay cầm giáo, lao..), cầu mưa, cầu nắng, cầu đánh thắng giặc....trong các lễ hội người ta đánh trống da, trống đồng, chiêng đồng, hóa trang, nhảy múa, ca hát, hình thù người cầm giáo đâm vào đầu 1 người quỳ gối dưới chân trên mặt trống đồng ghi lại một lễ hiến phù. Những tập tục lễ hội dưới thời Hùng Vương đánh dấu một cuộc sống mới vui tươi, tập thể và hòa đồng, thể hiện sắc nét văn hóa của cư dân Việt cổ.

Âm nhạc, nhảy múa đã trở thành nhu cầu trong các buổi sinh hoạt lễ hội hay giải trí, hàng loạt các nhạc cụ, nhạc khí ra đời như chiêng, đồng, trống, sênh, phách, khèn....không dung lại ở nhảy múa, ca hát họ còn tổ chức các cuộc đua tài tiêu biểu nhất là thi chèo thuyền, các cuộc đua thuyền chọn những thanh niên khỏe mạnh, rắn rỏi nhất trong làng, vừa thể hiện sức mạnh trong lao động sản xuất, vừa nâng cao sức khỏe tinh thần giữ làng, giữ nước.

IV. NGHỆ THUẬT:

Thời Văn -Lang Âu lạc các Làng Chạ nông nghiệp ngự trị trong toàn xã hội, nghệ thuật điêu khắc tinh tế và bước đầu đạt đến trình độ mô típ hóa, những văn hoa trên các lưòi rìu đồng, những thành người hóa trang, những con chim, con nai... trên mặt trống đồng.

Trống đồng là một trong những sản phẩm tinh tế thể hiện rõ nét nhất nét văn hóa của người Việt. ngôi sao 14 tua giữa mặt trống đồng tượng trưng cho Mặt trời, và việc dung trống đồng vào các lễ hội cầu mưa chứng tỏ người Việt theo tín ngưỡng thờ Thần Mặt trời, thần sấm, thần mưa...những hiện tượng tự nhiên liên quan đến sản xuất nông nghiệp.

Những người hóa trang lông chim trên mặt trống đồng gợi lên ý nghĩa về đạo vật tổ của thời Hùng Vương, cũng như hình hai người trai, gái già cối, hình con cóc, hình những người giao cấu trên mặt trống đồng....gợi cho ta liên tưởng đến tín ngưỡng phồn thực.

Trống đồng Đông Sơn còn làm hiệu lệnh trong chiến đấu, trong giữ gìn an ninh trật tự, hoặc làm đồ tùy tang, trống có kết cấu hài hòa cân xứng. Mặt trống tròn, giữa có ngôi sao nhiều cánh, phần tang phình, phần thân và chân loe ra, âm thanh rất vang.Xung quanh ngôi sao nhiều cánh ở giữa mặt trống là những vành tròn đều đặn, cách nhau bằng những đường nét văn hoa khác nhau, cân đối, đẹp mắt, trên mặt trống có nhiều hình người hóa trang bằng lông chim đang nhảy múa, hát, thổi kèn,... các cảnh sinh hoạt diễn ra sinh động như già gạo, đua thuyền....ngoài ra còn trang trí thêm các hình con vật như hươu, nai...phản ánh rõ nét nhất văn hóa, nếp sinh hoạt hằng ngày của cư dân Việt cổ.

Trống đồng thể hiện một trình độ cao của kỹ thuật luyện kim đương thời, khả năng hội họa sáng tạo, óc thẩm mỹ và nghệ thuật đúc đồng tinh xảo, là sản phẩm của lao động, tác phẩm nghệ thuật đặc sắc nhất của cư dân Việt cổ. ngoài trống đồng Đông Sơn thì công trình kiến trúc Thành Cổ Loa cũng biểu hiện trình độ phát triển cao của cư dân thời Văn Lang Âu Lạc

Sau một thời kỳ dài định cư và phát triển nền kinh tế nông nghiệp lúa nước trên các vùng đồng bằng châu thổ màu mỡ như sông Hồng, sông Mã, sông Cả ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, những cư dân Việt cổ đã xây dựng hình thành lên một quốc gia, có hệ thống chính trị, một nền văn minh riêng có tính bản địa sâu sắc nhất đó là nền Văn minh Văn Lang- Âu Lạc tồn tại từ thế kỷ III- II TCN.Nền văn minh đó thể hiện qua các mặt hoạt động từ chính trị,- xã hội, đến kinh tế kỹ thuật sản xuất, văn hóa nghệ thuật đến đạo đức lối sống, được lưu truyền rộng rãi trong dân gian và là nền tảng phong phú tạo nên cái gốc cho các nền văn minh giai đoạn sau,nền Văn minh Văn Lang Âu Lạc là nền văn minh rực rỡ nhất của buổi đầu dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, thể hiện sắc nét nhất tính bản địa,có phân hóa xã hội, có phân hóa giai cấp và có nhà nước,cư dân Việt cổ đã vượt qua được những hạn chế của thời kỳ nguyên thủy, mở ra thời kỳ mới,kỷ nguyên mà sức lao động sáng tạo được phát huy tối đa.Tuy thời gian tồn tại không dài nhưng những thành tựu mà nó đạt được cũng không nhỏ, là nền tảng cho các nền văn minh kế cận kế thừa và phát huy những tinh hoa văn hóa của cha ông thời trước.

DÂN TỘC MƯỜNG

KHÁI QUÁT CHUNG:

Người Mường còn được gọi là người Mol, Mual, Moi, Moi bi, Au tá...sinh sống chủ yếu ở khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam, tập trung đông nhất ở tỉnh Hòa Bình và các huyện miền núi của tỉnh Thanh Hóa. Người Mường có văn hóa và nếp sống sinh hoạt gần như người Kinh, tuy nhiên do chủ yếu cư trú tại các khu vực miền núi nên ít nhiều họ chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa. Xưa kia hình thái tổ chức xã hội đặc thù của người Mường là chế độ lang đạo, các dòng họ lang đạo (Đình, quách, Bạch, Hoàng) chia nhau cai quản các vùng, đứng đầu mỗi làng có các lang cun, dưới lang cun có các lang xóm hoặc đạo xóm, cai quản một xóm. Người Mường theo đạo Phật nhưng có sự khác biệt với người Kinh là mọi nghi lễ đều do thầy mo chủ trì.

Người Mường sống tập trung chủ yếu ở các thung lũng hai bên bờ sông Đà, tập trung chủ yếu ở các tỉnh như Phú Thọ, Sơn La, Hòa Bình, Ba Vì... và khu vực trung lưu của sông Mã, sông Bưởi (các huyện Thạch Thành, Bá Thước, Cẩm Thủy, Ngọc Lặc của Thanh Hóa), người Mường cầu Thanh Hóa có 2 bộ phận Mường trong (Mường gốc) Mường ngoài di cư từ Hòa Bình vào.

I. VỀ KINH TẾ:

Người Mường sống chủ yếu sống định canh, định cư ở miền núi, nơi có nhiều đất nông nghiệp canh tác, sản xuất, gần đường giao thông, thuận lợi cho việc làm ăn, người Mường làm ruộng từ rất lâu đời. Lúa nước là cây lương thực chủ yếu, trước kia người Mường trồng lúa nếp nhiều hơn lúa tẻ và gạo nếp chính là nguồn lương thực ăn hằng ngày. Ngày nay họ trồng lúa tẻ khắp mọi nơi thay thế dần cho cây lúa nếp và lương thực chủ yếu là cơm tẻ. Ngoài trồng lúa Người Mường còn có các nghề phụ như khai thác lâm, thổ sản như nấm hương, mộc nhĩ, sa nhân, cánh kiến, quế, mật ong, gỗ... các ngành nghề thủ công truyền thống như mây, tre đan, dệt vải,繻 tơ, phụ nữ Mường dệt vải thổ cẩm rất đẹp và đạt đến độ tinh xảo....

II. ĐỜI SỐNG TINH THẦN:

Người Mường thích ăn các món đồ như xôi, cơm tẻ đồ, rau và cá. Cơm, rau đồ chín được tãi ra đều cho khỏi nát trước khi ăn, ngoài ra rượu cần của người Mường khá nổi tiếng bởi cách chế biến chưng cất và hương vị đậm đà của men được dung nhiều trong các lễ hội cũng như đón tiếp khách hằng ngày. Người Mường rất thích thuốc lá, cả nam giới và nữ đều hút, họ dung ống điếu bằng tre loại to, hoặc có thể dung bằng điếu bát.

Người Mường sống tập trung thành làng, xóm quanh chân núi, sườn đồi, gần sông suối... ở các tỉnh Hòa Bình, Thanh Hóa, Phú Thọ... Mỗi làng có khoảng vài chục nóc nhà, diện tích đất đai khá rộng lớn nên khuôn vườn cũng rộng rãi thoáng đạt, họ có thể trồng cây lâu năm, cây thuốc trong sân vườn kết hợp chăn nuôi gia súc, gia cầm.

Người Mường coi trọng tâm linh nên thiết kế nhà ở theo hướng phong thủy theo hướng tọa sơn, vận thủy và họ ở nhà sàn là chủ yếu, kiểu nhà chân cột được chôn sâu xuống đất nên khi dựng nhà người ta dựng lần lượt từng cột một, cột cái dựng trước (cột thiêng), sau đó là cột cạnh bếp, cột cầu thang, nhà có 4 mái trông như mai rùa, hai bên là vách dựng bằng phen tre, nứa, gỗ

đã cung cấp phần lớn số củ cải trắng xuất hiện trong bữa cơm thường ngày dưới xuôi. Thứ nông sản ngon và rất tốt cho sức khỏe luôn được tôi ra sức từ chối vì nghi ngại nó xuất xứ từ cánh đồng bên kia biên giới, được tắm ướp đủ thứ nước trên đời để chuyển về các khu chợ nơi phố thị. Tôi chắc chắn nếu nhìn những sọt củ cải trắng mới thu hoạch còn bám nguyên đất thì những bà nội trợ sẽ không hề nghi ngại hay trả giá thấp đi khi lựa chọn thực phẩm cho bữa cơm của gia đình mình. Bởi nhìn chúng thật quý giá xứng đáng với đồng tiền bỏ ra. Tuy nhiên là phải vượt đèo, vượt núi hàng trăm cây số mới biết được điều này thì tôi cũng chẳng lấy gì làm hãnh diện. Giá như những thông tin này được xuất hiện ở nhiều nơi, nhiều người chia sẻ thì củ cải trắng Mộc Châu hay như rất nhiều sản vật đặc trưng khác của các vùng đất không bị rơi vào quên lãng, trở thành niềm tự hào của nông sản Việt. Nhưng con đường đó chông chênh lắm và đòi hỏi sự chung tay góp sức của những người đến nơi đây. Chúng ta đã để lại dấu chân trên thảo nguyên, tận hưởng khoảng không gian tuyệt diệu giữa núi rừng, chụp bức ảnh đẹp giữa đồi hoa tím, nhàn nhàn làm nhiều người thèm thuồng thì cũng cần có những món quà tri ân ngược lại cho vùng đất hào phóng này. Điều ấy không hề khó một chút nào, chỉ là ta có sẵn sàng làm và làm tới đâu thôi. Không chỉ bắt gặp những sản vật của núi ở khu chợ mà những bộ trang phục xuất hiện ở đây cũng đủ tạo nên những nét chấm phá thú vị. Ở khu chợ, ta dễ dàng có thể bắt gặp nhiều trang phục dân tộc khác nhau như váy tím chỉ đỏ rất đặc trưng người Mông, sắc màu đối lập đen trắng trong trang phục của người Thái, hay những bộ trang phục có phần kì quặc của những bạn trẻ đang tìm đến nơi đây. Tất cả đang tạo nên một bức tranh hòa nhập đa màu sắc, đa ngôn ngữ. Thấy tôi có vẻ thích thú ngắm nhìn những bộ quần áo truyền thống, bác chủ nhà trọ mặc dù đang bận bán những bó cải ngồng cho vài đôi vợ chồng trẻ vừa chụp ảnh cưới xong mua về làm quà, cũng đoán được điều tôi sắp hỏi. Hóa ra người mà tôi cần tìm, tưởng ở đâu xa, thì ra đang đứng ngay cạnh và còn cho thuê phòng là một đại diện tiêu biểu của quá trình kết hợp hai lớp lang văn hóa người Mông và Thái Đen. Thế là sau bữa cơm chiều giản dị có bát nước chấm rắc đầy hành xanh thơm thơm lạ miệng, tôi bèn bắt đầu tìm câu trả lời cho muôn vàn thắc mắc của mình. Bác kể ngày trẻ thì những người phụ nữ Thái như bác vẫn hay mặc những bộ quần áo truyền thống do chính tay mình dệt nên. Nhưng từ khi trở thành công nhân của nông trường thì những bộ quần áo lao động đã dần thay thế váy và áo trắng cổ tròn truyền thống. Lâu dần thành quen như đi nhiều thành đường ở bản. Những người Thái, người Mông bắt tay vào công cuộc xây dựng cuộc sống mới trên mảnh đất màu mỡ giữa núi. Họ học cách sống, sinh hoạt, lao động theo phương thức mới. Sinh con đẻ cái và gửi chúng về dưới xuôi cho ăn học thành người. Trong những câu chuyện của mình tôi vẫn liên tiếp hỏi một câu hỏi quen thuộc là họ có tiếc vì điều đó không. Và giống như nhiều lần tôi đều nhận được câu trả lời là: Không. Họ không hề tiếc vì những gì đã qua mà luôn tự hào mình chính là những người đã làm nên một Mộc Châu xanh ngút ngàn tầm mắt từ trong quá khứ và sẽ còn tiếp tục duy trì nó đến khi trở về với đất. Còn những bộ trang phục, dù mặc hay không mặc thì cũng không làm thay đổi được niềm hãnh diện đang chảy trong huyết quản. Điều đó làm tôi thực sự xúc động và yêu quý hơn những con người nơi đây. Một ngày thanh thoi ở Mộc Châu trôi qua thật chóng và kết thúc bằng giấc ngủ ập đến nhanh không kém. Tôi đã có những giờ phút được sống thanh thoi trên mảnh đất thảo nguyên màu mỡ và hiểu rõ hơn một phần nào đó về mảnh đất này. Lý giải được cơ bản lí do tại Mộc Châu đẹp thì có đẹp, nhưng cũng chỉ có quần quanh đồi chè, ruộng hoa nở theo mùa chứ chưa có gì đặc sắc lại gây ấn tượng rất mạnh với những du khách mới đến đây lần đầu như tôi. Đơn giản bởi vì ở đây con người sống chan hòa với thiên nhiên. Biết dựa vào thiên nhiên mà sống, phóng khoáng như trong tiếng gọi nhau vang vọng qua những nương chè cách nhau cả quả đồi khiến cho những khách phương xa tìm đến đây cũng vì thế cởi mở lòng mình. Thoải mái đi bộ dọc những con dốc, len mình vào bất kì cánh đồng hoa cỏ nào

mình thích mà không hề phải bỏ ra một đồng tiền nào như vào những khu du lịch sinh thái khác. Tôi thấy may mắn khi Mộc Châu vẫn giữ được những nét nguyên bản của mình và không bị du lịch thương mại hóa giống như những địa danh có cùng khí hậu, cây trồng, vật nuôi. Còn gì tuyệt vời hơn khi đi ta xuống xe muốn đi là được thẳng vào núi.

Đến Mộc châu du khách thỏa sức phóng tầm mắt ngắm nhìn cao nguyên rộng bao la hơn 50.000 ha với những đồi chè xanh mướt được cắt tỉa rất đẹp mắt. Đầu tháng 4 là vào vụ thu hoạch chè của nông trường Mộc châu, màu xanh của chè cùng với màu xanh của áo các nữ công nhân hái chè nơi đây tạo nên điểm nhấn thú vị, trong cái thế giới màu xanh tươi đầy viên mãn ấy, hình bóng của con người, của sắc hoa chè trắng muốt tinh khôi, của những chú bọ dừa vàng nhỏ bé... hiện lên như những nốt màu điểm xuyết cho các luống chè chạy dài hoặc lượn xoáy trên các triền đồi như một mê cung đầy mê hoặc làm say đắm lòng người.

Tailieu.vn